

Bản án số: **19/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 05-11-2018

V/v: “TrK chấp ly hôn”

NHÂN DK
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Văn Vũ**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **K’Đim;**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về trK chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị X**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn Vinh B, thị trấn Hòa Hợp, huyện X Dương, tỉnh Vĩnh Bc.

Bị đơn: Ông **Ya M**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số 19 đường Phan Bội Châu, thị trấn Thanh L, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà X vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; ông Ya M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày: Bà và ông Ya M sau thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh L vào ngày 29/5/2000, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 9/1 đường Phan Bội Châu, thị trấn Thanh L, huyện Đơn Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh Bc được một vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông Ya M thường xuyên rượu chè, say sỉn mà không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Mỗi lần say sỉn thì ông Ya M lại gây sự, chửi bới, thậm chí đánh đập bà. Kinh tế gia đình chỉ một mình bà gánh vác, chăm lo nên cuộc sống hết sức khó khăn. Mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Ya M không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Chịu đựng đến năm 2012 thì bà đưa hai con nhỏ về quê ở huyện X Dương, tỉnh Vĩnh Bc sinh sống nên vợ

chồng cũng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ya M.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai người con chung là cháu Ma Q, sinh ngày 28/9/2000 và cháu Pơ Jum K Tiến, sinh ngày: 25/4/2007; hiện cả hai cháu đang sống với bà. Nếu được ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Ya M đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, nguyên đơn bà Phạm Thị X có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị X vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ya M vắng mặt không có lý do nên không có trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị X được ly hôn với ông Ya M.

Về con chung: giao cháu Pơ Jum K Tiến, sinh ngày: 25/4/2007 cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đề cập đến. Đối với cháu Ma Q do đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: bà X không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: bà X cho rằng không có nợ chung, ông Ya M vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nợ chung, nếu sau này có trK chấp về nợ chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông Ya M không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trK tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là trK chấp về ly hôn giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị X với bị đơn là ông Ya M. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Thanh L, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Phạm Thị X vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ya M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị X và ông Ya M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị X và ông Ya M đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo bà X thì vợ chồng sống hạnh phúc được một vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông Ya M thường xuyên rượu chè, say sấn mà không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Mỗi lần say sấn thì ông Ya M lại gây sự, chửi bới, thậm chí đánh đập bà. Kinh tế gia đình chỉ một mình bà gánh vác, chăm lo nên cuộc sống hết sức khó khăn. Mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Ya M không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Từ năm 2012 thì bà đưa hai con nhỏ về quê ở huyện X Dương, tỉnh Vĩnh Bc sinh sống nên vợ chồng cũng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau.

Đối với ông Ya M mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương tham gia tố tụng giải quyết việc bà X yêu cầu ly hôn với ông nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa; điều đó đã thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Chúng tôi mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị X và ông Ya M là có xảy ra trên thực tế, kéo dài trong nhiều năm và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong các đơn khởi kiện và các văn bản thể hiện ý kiến thì bà X cương quyết được ly hôn với ông Ya M nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị X, cho bà X và ông Ya M được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Bà X và ông Ya M có hai người con chung là cháu Ma Q, sinh ngày 28/9/2000 và cháu Pơ Jum K Tiến, sinh ngày: 25/4/2007; hiện cả hai cháu đang sống với bà. Bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khi đó ông Ya M vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến gì về vấn đề con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét*

nguyện vọng của con”. Cháu K Tiến sinh ngày 25/4/2007 đến nay đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của cháu. Tại biên bản lấy lời khai (*bút lục số 27*) cháu K Tiến thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu K Tiến cho bà X được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K Tiến. Đối với cháu Ma Q, sinh ngày: 28/9/2000 do đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

- *Về tài sản chung*: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà X cho rằng không có nợ chung, còn ông Ya M không thể hiện ý kiến của mình về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung; sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Ya M không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 175, 177, 179, 205, 206, 207, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 18, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị X đối với bị đơn ông Ya M.

Cho bà Phạm Thị X và ông Ya M được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Pơ Jum K Tiến, sinh ngày: 25/4/2007 cho bà Phạm Thị X tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến. Đối với cháu Ma Q, sinh ngày: 28/9/2000 do đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc bà Phạm Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Mi đã nộp theo biên lai thu số 0005045 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (bà X đã nộp đủ). Ông Ya M không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn Thạnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

K'Đim

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Dương Văn Vũ